

Bản án số: **20/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 23/8/2019

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tạo Giáp; Ông Hoàng Văn Tính;

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hằng – Thư ký TAND quận Bắc Từ Liêm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Phong Thị Lan.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 352/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường C, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Trương Văn T, sinh năm 1978; Nơi đăng ký NKTT: Thôn Ch, xã Qu, huyện C, tỉnh B; Nơi cư trú: Tổ dân phố 1, phường c, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Đang chấp hành án tại Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố Hà Nội; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 12/7/2019 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Chị và anh Trương Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Qu, huyện C, tỉnh Bắc Kạn ngày 20/01/2016. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại tổ dân phố 1, phường C, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống, hai bên có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cách cư xử, mâu thuẫn về tài chính. Anh T thường xuyên rượu chè, còn sử dụng ma túy, không quan tâm đến gia đình, thậm chí hay chửi bới, đánh đập chị. Đến tháng 01/2019, anh T bị bắt do tàng trữ trái phép ma túy. Khi mâu thuẫn xảy ra hai bên đã nói chuyện để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Chị Th thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Chị Th và anh T có một con chung là cháu Trương Văn S, sinh ngày 20/02/2016. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cháu S và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị đang thuê nhà ở tại tổ dân phố 1,

phường C và bán hàng trên mạng, chạy xe ôm để kiếm sống. Thu nhập bình quân của chị khoảng 6 triệu đồng/tháng. Chị và anh T không tài sản chung, nợ chung.

Tại biên bản ghi lời khai đề ngày 23/7/2019 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Trương Văn T trình bày:

Về điều kiện kết hôn và cuộc sống chung như chị Th trình bày. Anh và chị Th chung sống đến tháng 11/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về tài chính, về tình cảm do anh chơi bời bên ngoài. Từ khi anh bị bắt vì tàng trữ ma túy, chị Th vẫn thăm gặp anh, gần đây chị Th mới thay đổi cách cư xử và muốn ly hôn với anh nhưng anh không đồng ý. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn theo quy định của pháp luật và cho phép anh được vắng mặt trong quá trình xét xử và giải quyết vụ án do anh đang chấp hành án tại Trại tạm giam số 2, Công an thành phố Hà Nội. Anh và chị Th có một con chung là cháu Trương Văn S, sinh ngày 20/02/2016. Nếu ly hôn, anh đồng ý để chị Th nuôi cháu S vì anh đang đi chấp hành án, không có điều kiện chăm sóc cháu S. Anh và chị Th không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Trương Văn T, đề nghị được nuôi cháu Trương Quốc S và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các quy định về phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng đều được Hội đồng xét xử thực hiện theo đúng quy định tại Chương 14 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Xử cho chị Th được ly hôn với anh T; Giao chị Th nuôi cháu S; Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; Anh chị không có tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Anh T là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trước khi bị tạm giam và chấp hành án tại tổ dân phố 1, phường C, quận Bắc Từ Liêm nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm theo quy định tại Điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc xét xử vắng mặt anh T : Anh T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa

vụ án ra xét xử và có đơn xin được vắng mặt trong quá trình xét xử gửi Tòa án, lời khai và yêu cầu của anh T về việc giải quyết vụ án đã có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

2.1. Về tình cảm: Chị Th và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Qu, huyện C, tỉnh Bắc Kạn ngày 20/01/2016. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Anh chị chung sống không hạnh phúc do hai bên bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về tình cảm và tài chính, do anh T không quan tâm, không có trách nhiệm với gia đình, chơi bời bên ngoài và nghiện ma túy. Tháng 01/2019, anh T bị bắt giam do tàng trữ trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân quận Long Biên xử phạt 20 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy (Bản án số 132/2019/HSST ngày 12/6/2019). Anh T và chị Th là vợ chồng nhưng không cùng nhau hướng tới xây dựng cuộc sống chung, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T còn vi phạm pháp luật hình sự và đang chấp hành án. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th với anh T.

2.2. Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Trương Văn S, sinh ngày 20/02/2016. Chị Th có nguyện vọng nuôi cháu S, anh T cũng đồng ý để chị Th nuôi cháu nên cần giao cháu S cho chị Th nuôi dưỡng. Anh T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có sự thay đổi khác.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung.

2.5. Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 58, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Th đối với anh Trương Văn T.

2. Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Trương Văn T.

3. Chị Th, anh T có một con chung là Trương Văn S, sinh ngày 20/2/2016. Giao cháu S cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Th không yêu cầu. Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

4. Chị Th và anh T không có tài sản chung và nợ chung.

5. Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Th đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 02958 ngày 23/7/2019 của Chi cục

Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm nay chuyển thành án phí. Chị Th đã nộp đủ án phí.

6. Các đương sự có có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong vòng 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND, VKSND TP Hà Nội;
- VKSND quận Bắc Từ Liêm,;
- Chi cục THADS quận Bắc Từ Liêm;
- UBND xã Qu, huyện C, tỉnh Bắc Kạn;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Loan